

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **337/2024/HSST**
Ngày 27/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Ông Trần Xuân Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 299/2024/HSST, ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2024/QĐXXST-HS ngày 07/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 12 tháng 9 năm 1992 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Lê Văn Đ (đã chết); Con bà: Phạm Thị B, sinh năm 1962; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Đặng Văn C; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01 tháng 8 năm 1984 tại Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Đặng Văn T, (Đã chết); Con bà: Trần Thị M,

sinh năm 1938; Gia đình có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ tám; Vợ: Phạm Thị T1, sinh năm 1990; Có 01 con sinh năm 2011; Tiền sự: Không.

- Tiền án: 02.

+ Tại Bản án số 22/HSST ngày 14/4/2021, bị Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”;

+ Tại Bản án số 53/HSST ngày 13/6/2022, bị Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” Chấp hành án xong ngày 12/5/2023.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024 đến nay). *(Có mặt tại phiên toà).*

3. Họ và tên: Ngô Đình L1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16 tháng 6 năm 1984 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm S, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Ngô Đức T2 (đã chết); Con bà: Trần Thị H, sinh năm 1956; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Lô Thị T3, sinh năm 1988; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên toà).

4. Họ và tên: Nguyễn Văn H1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 23 tháng 10 năm 1976 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: TDP C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Long T4 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1938; Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ bảy; Vợ: Trịnh Thị T5, sinh năm 1977; Có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên toà).

5. Họ và tên: Trần Thiện T6; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30 tháng 3 năm 1986 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng,

chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Trần Thiện H2 (đã chết); Con bà: Phan Thị T7 (đã chết); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Hoa Kim T8 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 90/2009 ngày 09/4/2009 bị Toà án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù cho nhưng hưởng án treo thời gian thử thách là 23 tháng 6 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí, truy nộp ngày 09/4/2009.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên toà).

6. Họ và tên: Nguyễn Văn T9; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07 tháng 11 năm 1985 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn T10, sinh năm 1958; Con bà: Ngô Thị N, sinh năm 1959; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Hoàng Thị N1, sinh năm 1985; Có 02 con, con nhỏ sinh năm 2013, con lớn sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên toà).

7. Họ và tên: Đào Văn Đ1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05 tháng 11 năm 1984 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Đào Đức T11, sinh năm 1941; Con bà: Nguyễn Thị M1, sinh năm 1946; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu; Vợ: Phạm Thị H3, sinh năm 1985; Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ 2020; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 01/8/2024 đến ngày 09/8/2024; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Hiện đang tại ngoại tại địa phương và có mặt tại phiên toà).

Người chứng kiến: Ông Nguyễn T4, sinh năm 1957 *(Có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị T12, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố T.

+ Anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Anh Lương Văn C1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

+ Anh Vũ Đức T13, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm A V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 23 giờ 20 phút ngày 31/7/2024, tổ công tác của Đội Cảnh sát hình sự C2 anh thành phố T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại phòng trọ của Lê Văn L thuộc tổ I, phường Q, thành phố T có một số đối tượng đang đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, tổ công tác tiến hành kiểm tra địa điểm nêu trên phát hiện, bắt quả tang 07 đối tượng đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng gồm: Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các đối tượng trên và thu giữ vật chứng, gồm:

- T14 trên chiếu bạc số tiền 14.450.000 đồng, trong đó: Số tiền để trước mặt các đối tượng là 12.950.000 đồng, tiền cược để giữa chiếu bạc là 1.500.000 đồng;

- Thu trên người của các đối tượng số tiền 9.780.000 đồng gồm: Thu giữ trên người Nguyễn Văn T9 số tiền 3.030.000 đồng; Trần Thiện T6 số tiền 580.000 đồng; Ngô Đình L1 số tiền là 400.000 đồng; Đặng Văn C số tiền là 260.000 đồng; Đào Văn Đ1 số tiền là 80.000 đồng; Nguyễn Văn H1 số tiền là 5.430.000 đồng;

Tổng số tiền thu giữ là 24.230.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- 02 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài (01 bộ một mặt màu xanh, 01 bộ một mặt màu đỏ) đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa màu xanh, đã qua sử dụng.

Ngoài ra tổ công tác còn tạm giữ 07 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, vỏ màu trắng và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu đen của Lê Văn L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S22, màu đen thu giữ của Ngô Đình L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám thu giữ của Trần Thiện T6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

iPhone 8 Plus thu giữ của Đặng Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh thu giữ của Đào Văn Đ1.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1 khai nhận:

Tháng 3 năm 2024 Nguyễn Văn L2 thuê nhà trọ tại tổ I, phường Q, thành phố T của bà Nguyễn Thị T12, sinh năm 1952, trú tại tổ A, phường Q để ở. Vào khoảng 16 giờ 45 phút ngày 31/7/2024, Ngô Đình L1 gọi điện thoại cho Lê Văn L hỏi có ai đánh bạc không thì L trả lời có và hẹn Lập tới đến nhà trọ của L tại tổ I, phường Q, thành phố T để đánh bạc bằng hình thức đánh L3 được thua bằng tiền. Sau đó, L1 đã gọi điện thoại rủ Trần Thiện T6 và Nguyễn Văn H1 đi đánh bạc cùng thì T6 và Hòa đồng Ý. L gọi điện cho Đặng Văn C đồng thời nhắn tin cho Đào Văn Đ1 rủ C và Đ1 đến đánh bạc thì C đồng ý. Lúc này, Nguyễn Văn T9 đang ở nhà C nên C đã rủ T9 đi đánh bạc cùng. Sau đó L1 điều khiển xe ô tô BKS 20A: 58.229 đón T6 và H1 đi đến nhà trọ của L. C gọi điện cho Lương Văn C1 (sinh năm 1981, Nơi cư trú: Xóm V, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) lái xe taxi đến đón C và T9 đến nhà trọ của L. Khi đến phòng trọ của L là khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày thì C, T9, L1, T6 và H1 cùng nhau đánh bạc. Quá trình ngồi đánh bạc, T9 gọi điện thoại cho Đào Văn Đ1 nhờ Đ1 mua hộ bao thuốc lá thì Đ1 đồng ý. Đ1 có rủ Nguyễn Tiến D1 (sinh năm 1986, Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) và Vũ Đức T13 (sinh năm 1984, Nơi cư trú: Xóm A, V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) là bạn đi cùng. Khoảng 23 giờ Đ1 mang thuốc lá cho T9 thì thấy mọi người đang ngồi đánh bạc nên Đ1 đã xin vào đánh bạc cùng (Đ1, C1 và T13 ngồi trên giường không tham gia đánh bạc). Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an thành phố T bắt quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Về vị trí ngồi đánh bạc: Các đối tượng ngồi thành vòng tròn, theo thứ tự theo chiều kim đồng hồ lần lượt là L, L1, C, Đ1, H1, T6, T9.

Về hình thức đánh bạc như sau: Các đối tượng sử dụng 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài, sử dụng luân phiên để đánh bạc bằng hình thức đánh L3 được thua bằng tiền. Trước khi chia bài thì những người chơi phải vào tiền gà mỗi người là 50.000 đồng, riêng người cầm chương 100.000 đồng và được đánh sau cùng ở mỗi vòng chơi. Sau khi ván bài bắt đầu, mỗi người nhận được 3 lá bài tương đương với từng số điểm riêng và buộc phải giữ bí mật. Sau đó người chơi sẽ có 3 sự lựa chọn như sau:

Úp bài: Trong trường hợp bài của mình quá yếu, không có cơ hội thắng. Người chơi lựa chọn úp bài và sẽ mất số tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài.

Theo: Là trường hợp người chơi đồng ý bỏ ra số tiền đặt cược bằng với mức người chơi trước đó đã đặt và tiếp tục cuộc chơi.

Tổ: Đặt cược thêm tiền cao hơn so với số tiền của người đặt cược trước đó nhưng không quá 500.000 đồng.

Ván bài kết thúc khi:

- Không ai tố thêm nữa và người chơi còn lại sẽ lật bài để đo điểm thắng thua. Nếu bài ai cao điểm hơn thì sẽ được toàn bộ tiền gà và tiền cược mà những người chơi đã bỏ ra trong ván bài đó;

- Chỉ còn một người chơi (những người chơi còn lại đã bỏ bài) thì người chơi được toàn bộ tiền gà và tiền cược của những người chơi trước đó mà không cần lật bài.

- Cách tính điểm được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau:

- Sáp: bộ C4 lá bài có giá trị giống nhau. Trong trường hợp cả hai người chơi có bộ sáp, giá trị của quân bài sẽ được so sánh (thứ tự tăng dần từ 2, 3, 4 đến Á).

- Liêng: là ba lá bài liên tiếp với nhau. Ví dụ: 3,4,5. Liêng chấp nhận cả Q, K, A và Á, 2, 3. Q, K, A được coi là tổng hợp các bộ Liêng có giá trị lớn nhất. Khi có hai liêng bằng nhau, thì sẽ so sánh chất. Chất cao nhất là R, C3, T15, B1.

- Liêng Đ (Ảnh): là ba lá bài đều là các quân bài J, Q, K nhưng không phải L3 hoặc Sáp. Bài theo thứ tự giảm dần là KKQ, KKJ, QQQ, QQJ, JJK, JJQ.

Trong những trường hợp không thuộc các trường hợp trên thì sẽ tính tổng điểm của 3 lá bài. Cụ thể, lá bài từ 2 - 9 sẽ được tính theo giá trị điểm tương ứng. 10, J, Q, K sẽ là 0 điểm, còn Á là 1 điểm. Trường hợp có điểm bằng nhau thì sẽ so sánh chất.

Về số tiền dùng để đánh bạc:

- Lê Văn L khai có số tiền khoảng 5.000.000 đồng, sử dụng tất cả vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang L đã thua bạc hết số tiền này.

- Trần Thiện T6 khai mang theo số tiền khoảng 3.700.000 đồng, sử dụng tất cả vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T6 đang thua bạc số tiền khoảng 3.120.000 đồng và bị thu giữ số tiền còn lại là 580.000 đồng.

- Nguyễn Văn T9 khai mang theo số tiền khoảng 4.000.000 đồng, sử dụng tất cả vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T9 đang thua bạc số tiền khoảng 970.000 đồng và bị thu giữ số tiền còn lại là 3.030.000 đồng.

- Nguyễn Văn H1 khai mang theo số tiền khoảng 5.000.000 đồng, sử dụng tất cả vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, H1 đang thắng bạc được số tiền khoảng 430.000 đồng và bị thu giữ số tiền 5.430.000 đồng.

- Đặng Văn C khai mang theo số tiền khoảng 2.200.000 đồng, sử dụng tất cả vào việc đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, C đang thua bạc số tiền khoảng 1.940.000 đồng và bị thu giữ số tiền còn lại là 260.000 đồng.
- Đào Văn Đ1 khai mang theo số tiền khoảng 280.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Đ1 đang thua bạc số tiền khoảng 200.000 đồng và bị thu giữ số tiền còn lại là 80.000 đồng.
- Ngô Đình L1 khai mang theo số tiền khoảng 3.700.000 đồng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, L1 đang thua bạc số tiền khoảng 3.300.000 đồng và bị thu giữ số tiền còn lại là 400.000 đồng.

Tuy các bị can khai nhận tổng số tiền sử dụng đánh bạc không phù hợp với số tiền thu giữ trên chiếu bạc và số tiền đã thu giữ của các bị can nhưng các bị can đều khai nhận số tiền bị thu giữ khi bắt quả tang là tổng số tiền các bị can sử dụng để đánh bạc. Nên có căn cứ xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 24.230.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

Lời khai trên của Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1 phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định (BL 21-27; 137-194; 198-208).

Vật chứng của vụ án:

- Số tiền 24.230.000 đồng tiền Ngân hàng N2;
- 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài (01 bộ mặt màu xanh, 01 bộ mặt sau màu đỏ), đã qua sử dụng;
- 01 chiếu nhựa màu xanh KT 1,9 x 01m, đã qua sử dụng.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, vỏ màu trắng, số IMEI 356786112833417, bên trong lắp sim số thuê bao số 0829.838.286, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn L;
- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 355406842042871, số IMEI 2: 355406842542870, bên trong lắp sim số thuê bao 0976.590.418, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn L;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S22, màu đen, số IMEI: 355066964132312, số IMEI 2: 3550697464132313, bên trong lắp sim số thuê bao 0386.123.357, đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Đình L1;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu trắng, số IMEI: 35333507385203, bên trong lắp sim số 0363.138.297, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám, số IMEI: 355692071311026, bên trong lắp sim số thuê bao 0979.700.850, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Thiện T6;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 358626093779544, bên trong lắp sim số thuê bao 0964.158.567, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Văn C;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh, số IMEI 1: 863320065013698, số IMEI 2: 863320065013680, bên trong lắp sim số thuê bao 0945.850.777, đã qua sử dụng thu giữ của Đào Văn Đ1;

Hiện số vật chứng và tài sản trên đang được lưu giữ, bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 307/CT-VKSTPTN ngày 16/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Lê Văn Lợi, Ngô Đình Lập, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 về tội "Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 và truy tố Đặng Văn C về tội Đánh bạc theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 321 BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: - Áp dụng: Khoản 1, khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS (đối với Lê Văn L, Ngô Đình L1, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1) (bị cáo L1 thêm Khoản 2, Điều 51 BLHS). *Áp dụng* Khoản 1, khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS đối với Trần Thiện T6. *Áp dụng điểm d*, khoản 2, khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38 và Điều 58 BLHS.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt các bị cáo: Lê Văn L, Ngô Đình L1 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1, Trần Thiện T6 mức án từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Đào Văn Đ1 mức án từ 7 đến 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng.

Đặng Văn C mức án từ 36 đến 42 tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử lý vật chứng theo quy định; Truy thu sung quỹ số tiền do phạm tội mà có.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận các bị cáo đều không tranh luận gì với Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức rõ hành vi vi phạm sai trái của mình và đều xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo C xin giảm nhẹ hình phạt vì đang ở một mình xin giảm nhẹ hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại tòa, các bị cáo, người làm chứng.. không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, Biên bản làm việc, biên bản kiểm tra điện thoại và các chứng cứ tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 21 giờ 50 ngày 31/7/2024, tại nhà trọ của Lê Văn L thuộc tổ I, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Khoảng 23 giờ cùng ngày thì có thêm Đào Văn Đ1 đến tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày các đối tượng trên vẫn đang đánh bạc thì bị tổ công tác của Đ2 Công an thành phố T bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 24.230.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) cùng một số vật chứng khác.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 đã phạm vào tội “**Đánh bạc**”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đặng Văn C đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích cụ thể: Tại Bản án số 22/HSST ngày 14/4/2021, bị Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”;

+ Tại Bản án số 53/HSST ngày 13/6/2022, bị Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” Chấp hành án xong ngày 12/5/2023. Căn cứ khoản 2 Điều 70 và Điều 73 BLHS..Do 02 bản án trên chưa được xóa án tích và thuộc vào trường hợp Tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 53 BLHS.

Do vậy hành vi phạm tội lần này của bị cáo C là tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đã đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

d) Tái phạm nguy hiểm;”

Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo C là nghiêm trọng, các bị cáo khác trong vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và gây dư luận xấu trong xã hội. Bị cáo L1 là người khởi sự gọi điện và rủ L, T6, H1. Bị cáo L gọi điện cho C, Đ1. C lại gọi điện rủ T9 tham gia đánh bạc tại nhà thuê của L. Các bị cáo đều có vị trí vai trò đồng phạm giản đơn như nhau và đều là người trực tiếp thực hiện hành vi tội phạm với lỗi cố ý, nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: - Về nhân thân: Các bị cáo Lê Văn L, Ngô

Đình L1, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1, Đào Văn Đ1 trước khi phạm tội này các bị cáo có nhân thân tốt và không có vi phạm pháp luật gì. Bị cáo T6 đã bị Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật về tội Trộm cắp tài sản vào năm 2009 và đã thi hành xong toàn bộ bản án, đã được xoá án tích theo quy định, tính đến ngày phạm tội thì coi như không còn án tích.

Bị cáo C là người có nhân thân xấu đã 02 lần bị xét xử bằng bản án, chưa chưa được xáo án tích theo quy định lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội này các bị cáo đều chấp hành tốt các quy định của nhà nước và không có vi phạm gì.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T6 cung cấp cho Toà án bản sao Tặng danh hiệu Chiến sĩ tiên tiến của Trung đoàn trưởng Trung đoàn 141 cho Trần Thiện T6, các bản sao Giấy khen, Huân chương kháng chiến, Tặng băng gia đình vẻ vang, huân chương chiến thắng của gia đình bị cáo T6. Do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Toà bị cáo L1 có cung cấp cho Toà án 02 bản sao xác nhận bố bị cáo là ông Ngô Đức T2 tham gia kháng chiến chống Mỹ và được hưởng chế độ chính sách chất độc màu da cam. Do đó bị cáo L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018.

Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 thì không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6 mức án từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Các bị cáo Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 mức án từ 7 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn C mức án từ 38 đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2024.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS xét cần phải phạt tiền đối với các bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

[6] Vật chứng của vụ án: - Số tiền 24.230.000 đồng tiền Ngân hàng N2. Trong đó thu tại chiếu bạc là 14.450.000đ, thu trên người các bị cáo là 9.780.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều xác định dùng để đánh bạc. Do đó cần tịch thu sung ngân sách.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, vỏ màu trắng, số IMEI 356786112833417, bên trong lắp sim số thuê bao số 0829.838.286, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn L;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 355406842042871, số IMEI 2: 355406842542870, bên trong lắp sim số thuê bao 0976.590.418, đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn L;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY S22, màu đen, số IMEI: 355066964132312, số IMEI 2: 3550697464132313, bên trong lắp sim số thuê bao 0386.123.357, đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Đình L1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu trắng, số IMEI: 35333507385203, bên trong lắp sim số 0363.138.297, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn H1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám, số IMEI: 355692071311026, bên trong lắp sim số thuê bao 0979.700.850, đã qua sử dụng thu giữ của Trần Thiện T6;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 358626093779544, bên trong lắp sim số thuê bao 0964.158.567, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Văn C;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh, số IMEI 1: 863320065013698, số IMEI 2: 863320065013680, bên trong lắp sim số thuê bao 0945.850.777, đã qua sử dụng thu giữ của Đào Văn Đ1;

Quá trình điều tra và tại phiên Toà xác định số vật chứng nêu trên là công cụ phương tiện sử dụng của các bị cáo vào mục đích phạm tội. Do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Cần tịch thu tiêu huỷ: - 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài (01 bộ mặt màu xanh, 01 bộ mặt sau màu đỏ), đã qua sử dụng;

- 01 chiếu nhựa màu xanh KT 1,9 x 01m, đã qua sử dụng.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với bà Nguyễn Thị T12, sinh năm 1952, trú tại: tổ A, phường Q, thành phố T là chủ nhà trọ nơi các đối tượng sử dụng để đánh bạc. Quá trình điều tra xác định khi các đối tượng đánh bạc bằng hình thức nêu trên bà T12 không biết.

Anh Vũ Đức T13; Nguyễn Tiến D1 có mặt tại phòng trọ của L nhưng không tham gia đánh bạc.

Đối với anh Lương Văn C1 là người lái xe taxi đưa C và T9 đến nhà trọ của L để đánh bạc, nhưng anh C1 không biết mục đích của các đối tượng là đi đánh bạc. Nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người trên là có căn cứ.

[8] Án phí; Quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. (bị cáo L1 thêm Khoản 2, Điều 51 BLHS).

- Xử phạt:

+ Lê Văn L, Ngô Đình L1 mỗi bị cáo là **9 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1 và Đào Văn Đ1 mỗi bị cáo là **7 (bảy)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2 Căn cứ khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt: Trần Thiện T6 **9** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3 Căn cứ điểm d, khoản 2 và khoản 3, Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Đặng Văn C **38** (*ba mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/8/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo C 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1 mỗi bị cáo là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

3. Giao các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T9, Đào Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Thiện T6 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

4.1 Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Số tiền 24.230.000 đồng tiền Ngân hàng N2. (*theo uỷ nhiệm chi số 50 ngày 20/11/2024*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE, vỏ màu trắng, số IMEI 356786112833417, bên trong lắp sim số thuê bao số 0829.838.286, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A;

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số IMEI 355406842042871, số IMEI 2: 355406842542870, bên trong lắp sim số thuê bao 0976.590.418, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A1;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY \$22, màu đen, số IMEI: 355066964132312, số IMEI 2: 3550697464132313, bên trong lắp sim số

thuê bao 0386.123.357, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A2;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu trắng, số IMEI: 35333507385203, bên trong lắp sim số 0363.138.297, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A5;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, màu xám, số IMEI: 355692071311026, bên trong lắp sim số thuê bao 0979.700.850, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A3;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số IMEI: 358626093779544, bên trong lắp sim số thuê bao 0964.158.567, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A6;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh, số IMEI 1: 863320065013698, số IMEI 2: 863320065013680, bên trong lắp sim số thuê bao 0945.850.777, đã qua sử dụng được niêm phong trong phong bì kí hiệu A7;

4.2 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, mặt sau quân bài màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, mặt sau quân bài màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 chiếu nhựa màu xanh KT 1,9 x 01m, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng hiện đang lưu giữ bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo biên bản giao nhận vật chứng số 41 ngày 20/11/2024).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Lê Văn L, Ngô Đình L1, Trần Thiện T6, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn H1, Đặng Văn C và Đào Văn Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- CCTHADS TP Thái Nguyên;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp;
- UBND xã K;
- Bị cáo;..
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Chính

